

Số: /QĐ-THCS&THPT QL

Hạ Long, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường THCS&THPT Quảng La

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 535/TB-SGDĐT ngày 16/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024, đơn vị được thông báo: Trường THCS và THPT Quảng La, mã chương: 422;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của trường THCS&THPT Quảng La.

(có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các tổ chức, cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Lưu VT, KT.
- Bản điện tử:
- Cổng thông tin điện tử;
 - Website: <https://thcs-thptquangla.edu.vn>.

Lê Thị Kim Thu

Đơn vị: Trường THCS&THPT Quảng La

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS&THPT QL ngày /4/2025 của Trường THCS&THPT Quảng La

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10.136.653.857	10.126.103.857	(10.550.000)	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.136.653.857	10.126.103.857	(10.550.000)	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.136.653.857	10.126.103.857	(10.550.000)	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.312.267.702	8.301.717.702	(10.550.000)	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.824.386.155	1.824.386.155	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
2.2	Dự án B				
3	ngành				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	ngành				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Đơn vị: Trường THCS&THPT Quảng La
Chương: 422

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS&THPT QL ngày /4/2025
của Trường THCS&THPT Quảng La)*

Thực hiện chế độ công khai quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 và Điều 5 Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; điểm c khoản 3 Điều 1 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, trường THCS&THPT Quảng La (đơn vị sử dụng ngân sách) công khai thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2024 (bao gồm số liệu quyết toán ngân sách nhà nước và số liệu nguồn thu học phí, thu hoạt động khác) như sau:

1. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 46.444.482 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- b) Nguồn thu học phí và thu hoạt động khác: 46.444.482 đồng.

2. Dự toán được giao trong năm: 10.786.070.900 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 9.997.535.000 đồng;
- b) Nguồn thu học phí và thu hoạt động khác: 788.535.900 đồng.

3. Kinh phí thực nhận trong năm: 10.136.653.857 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 9.328.386.155 đồng;
- b) Nguồn thu học phí và thu hoạt động khác: 808.267.702 đồng.

4. Kinh phí quyết toán năm 2024: 10.126.103.857 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 9.328.036.155 đồng;
- b) Nguồn thu học phí và thu hoạt động khác: 798.067.702 đồng.

5. Kinh phí giảm trong năm 2024: 669.498.845 đồng, trong đó:

- a) Số phải nộp NSNN: 350.000 đồng;
- b) Số hủy dự toán: 669.148.845 đồng. Trong đó: Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú: 59.777.000 đồng do học sinh bị giảm số tháng hưởng hỗ trợ bán trú do xin tạm trú tại địa phương từ tháng 10/2023; Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật: 31.914.027 đồng do thay đổi giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật; Cấp bổ sung 15% kinh phí hoạt

động: 47.202.600 đồng do đơn vị lập dự dự toán sai; Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 310.154.000 đồng do chưa mua sắm hết các thiết bị theo đề xuất; Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024: 38.809.000 đồng do dự toán cấp cao hơn thực tế; hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2024-2025 cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên: 120.000 đồng do trong kỳ có học sinh chuyển trường và nghỉ học; Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 56.172.218 đồng do thời gian hợp đồng lao động với giáo viên thực tế ngắn hơn so với dự toán; Dự toán giữ lại (Tiết kiệm 5%): 125.000.000 đồng.

6. Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán, trong đó:

- a) Kinh phí giảm trừ quyết toán năm 2024: 10.200.000 đồng;
- b) Dự toán còn lại tại Kho bạc, ngân hàng: 26.712.680 đồng.

7. Tỷ lệ số liệu kinh phí được duyệt quyết toán so với kinh phí thực nhận trong năm 2024 đạt 99,9%.
